TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2018/QĐST_DS	Phước Long, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T
Địa chỉ: Địa chỉ: Số A, đường, Phường V, thành Phố R, tỉnh K
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ Tổng giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1987; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng T- Phòng giao dịch huyện P
Bị đơn: Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1942
Anh Trần Phương N, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Trần Chí L, sinh năm 1968
2. Bà La Ngọc G, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc D, ông Trần Chí L, bà La Ngọc G: Anh Trần Phương N, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

II/. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 08/10/2018 bà Trần Ngọc D, anh Trần Phương N còn nợ Ngân

hàng T số tiền gốc và lãi là 867.553.270đ (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bảy chục đồng); Trong đó số tiền vay là 300.000.000đ, lãi là 567.553.270đ. anh Trần Phương N đồng ý trả nợ cho Ngân hàng T số tiền vay gốc và lãi là 867.553.270đ; Trong đó số tiền vay là 300.000.000đ, lãi là 567.553.270đ.

2. Buộc bà Trần Ngọc D, anh Trần Phương N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền gốc và lãi là 867.553.270đ (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bảy chục đồng); Trong đó số tiền vay là 300.000.000đ, lãi là 567.553.270đ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Đại diện Ngân hàng T, anh Trần Phương N thống nhất: Trong trường hợp bà Trần Ngọc D, anh Trần Phương N không có khả năng thanh toán số tiền trên thì bà Trần Ngọc D, anh Trần Phương N, ông Trần Chí L, bà La Ngọc G thống nhất để Ngân hàng T có quyền yêu cầu phát mãi tài sản gồm:

4.1 Thửa đất 95 tờ bản đồ số 23 diện tích 1911.6m^2 vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ruộng của ông Ngô Chiếu T có số đo 27.5m

+ Hướng Tây giáp Lộ Kênh Nhỏ có số đo 26m

+ Hướng Nam giáp đất ông Ngô Chiếu B có số đo 73.5m

+ Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị M có số đo 70m.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 355785 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Ngọc D đứng tên vào ngày 25/4/2011. Đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

4.2 Nhà căn thứ nhất: Nhà cấp 4, chiều ngang 5m, chiều dài 17.7m; nhà kết cấu: Khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường, mái lợp tol xi măng, nền tráng xi măng và nền lót gạch men. Nhà của bà D và do bà D, anh L đang quản lý.

4.3 Nhà căn thứ hai: Nhà cấp 4, chiều ngang 5.2m, chiều dài 17.7m; nhà kết cấu: Khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường, mái lợp tol xi măng, nền tráng xi măng và nền lót gạch men. Nhà của anh N và chị G và do anh N và chị G đang quản lý.

4.4 Thửa đất 58 tờ bản đồ số 8 diện tích 12774.5m^2 vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp Kênh Thủy Lợi có số đo 27.8m+ 36m

+ Hướng Tây giáp đất ông Ngô Chiếu B có số đo 72m

+ Hướng Nam giáp đất ông Lê Tuấn K có số đo 235m, giáp đất ông Ngô Văn H có số đo 74.2m

+ Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị T có số đo 54m, giáp đất ông Lê Hoàng S có số đo 250.5m

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 355784 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Ngọc D đứng tên vào ngày 25/4/2011. Đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

5. Về chi phí xem xét thẩm định đã chi phí 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Ngân hàng T đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000đ, được hoàn lại số tiền 1.500.000đ

(Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu chi của Tòa án. Anh Trần Phương N đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định là 1.500.000đ, do đó anh N, bà D có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

6. Về án phí dân sự có giá ngạch hòa giải thành số tiền là 19.013.299đ (Mười chín triệu không trăm mười ba nghìn hai trăm chín mươi chín đồng), anh Trần Phương N tự nguyện nộp, vì vậy anh N và bà D phải có trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 19.013.299đ (Mười chín triệu không trăm mười ba nghìn hai trăm chín mươi chín đồng). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng T đã nộp là 20.000.000đ (Hai chục triệu đồng) biên lai số 0013624 ngày 13/8/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

III/. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Huỳnh Tố Hiền